

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: LOGIC HỌC ĐẠI CƯƠNG

ĐỀ TÀI SỐ 07: *Chứng minh và các lỗi logic vi phạm
các quy tắc chứng minh thông qua các tình huống
thực tế*

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu

Sinh viên thực hiện : Hoàng Kim Yên

Lớp : K22LKTC

Mã sinh viên : 22A4060195

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2020

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	3
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài	4
NỘI DUNG.....	5
1. LÝ THUYẾT VỀ CHỨNG MINH.....	5
1.1. Định nghĩa về Chứng minh.....	5
1.2. Cấu trúc của một chứng minh	5
1.3. Phân loại chứng minh	6
2. CÁC QUY TẮC KHI CHỨNG MINH VÀ LỖI LOGIC KHI VI PHẠM QUY TẮC CHỨNG MINH THÔNG QUA CÁC VÍ DỤ THỰC TẾ	
2.1. Quy tắc đối với luận đề	7
2.2. Quy tắc đối với luận cứ.....	8
2.3. Quy tắc đối với luận chứng.....	9
3. LIÊN HỆ THỰC TIỄN VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN.....	10
3.1. Liên hệ thực tiễn	10
3.2. Liên hệ bản thân	10
KẾT LUẬN	11
TÀI LIỆU THAM KHẢO	12

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của con người để chứng minh về một vấn đề cho một hoặc một số người nào đó hiểu về một hay nhiều vấn đề, thì phải tư duy đúng đắn, nhờ vậy mà vấn đề được lý giải một cách xác đáng, được mọi người hiểu và chấp nhận. Muốn tư duy một cách đúng đắn thì phải nắm vững được các quy tắc của chứng minh, hiểu biết cặn kẽ về các quy tắc với luận đề, luận cứ và luận chứng. Nếu không nắm chắc được những quy tắc này thì khi tiến hành chứng minh một vấn đề sẽ không được chấp nhận và tin tưởng.

Đây cũng là lí do để tiến hành lựa chọn đề tài số 07 – “*Chứng minh và các lỗi logic vi phạm quy tắc chứng minh thông qua các tình huống thực tế.*”

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài sẽ nghiên cứu làm rõ các vấn đề về: Định nghĩa về chứng minh, Cấu trúc của một chứng minh, Phân loại chứng minh và Các quy tắc của chứng minh.

Bên cạnh đó, đề tài cũng sẽ làm rõ lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chứng minh thông qua các tình huống để từ đó liên hệ với quá trình học tập của bản thân.

3. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là lý thuyết về chứng minh, quy tắc của chứng minh và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chứng minh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập phân tích tài liệu: Thông qua các giáo trình, sách tham khảo, các bài báo khoa học để làm rõ nội dung của mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp phân loại hệ thống hóa kiến thức: Thông qua các tài liệu khoa học theo

chủ đề, theo đơn vị kiến thức đề nội dung của bài tiểu luận để nhận biết và nghiên cứu.

5. Ý nghĩa nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về chứng minh và các quy tắc của chứng minh giúp ta có được công cụ hữu xem xét xem một vấn đề có được lí giải một cách chính xác hay không? Giúp ta phân biệt vấn đề nào đúng, vấn đề nào sai? Lập luận này đã chặt chẽ, đầy đủ hay chưa? Bên cạnh đó, còn trang bị cho ta phương pháp tư duy khoa học, nhờ đó ta có thể nghiên cứu khoa học, lĩnh hội và trình bày tri thức, tham gia các hoạt động thực tiễn khác một cách hiệu quả.

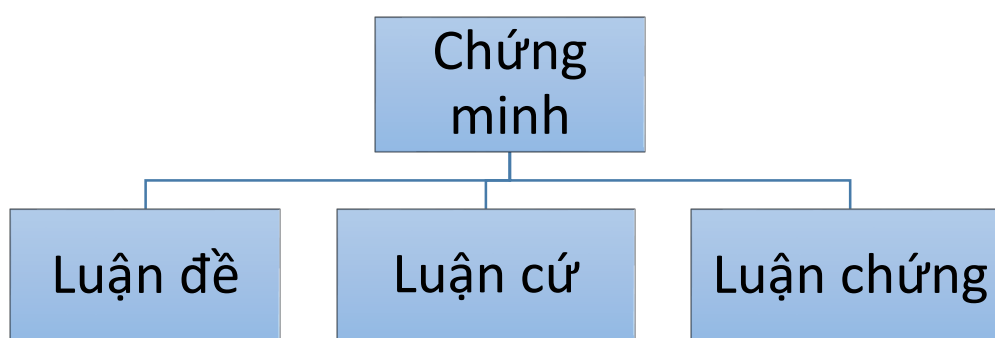
NỘI DUNG

1. LÝ THUYẾT VỀ CHỨNG MINH

1.1. Định nghĩa về chứng minh

Phép chứng minh khoa học được sử dụng theo một tư duy logic để chứng tỏ rằng một niềm tin khoa học hay một hoài nghi khoa học là đúng đắn. Trong thực tế, bất kỳ một khoa học nào cũng phải sử dụng phép chứng minh. Logic học không chỉ sử dụng chứng minh như là một công cụ, một phương tiện hiệu nghiệm mà còn lấy chính chứng minh làm đối tượng nghiên cứu. Nhìn từ góc độ logic học thì: *chứng minh thực chất là một thao tác tư duy chịu sự tác động của quy luật lý do đầy đủ. Đó là thao tác tư duy dựa vào luận cứ để luận chứng về tính đúng đắn hay sai lầm hoặc thiếu thuyết phục của một luận đề.*

1.2. Cấu trúc của một chứng minh



▪ **Luận đề:** Là thành phần tương ứng với kết luận phép suy luận và trả lời cho câu hỏi chứng minh cái gì? Như vậy nó xác định phạm vi, bình diện vấn đề cần chứng minh

- Luận đề là phán đoán mà tính chân thực của nó phải chứng minh.
- Luận đề là thành phần chủ yếu của chứng minh và trả lời cho câu hỏi:

Chứng minh cái gì?

- Luận đề có thể tồn tại dưới nhiều hình thức:

+) Một kết luận cho khái quát thực tiễn hay do quan sát thực nghiệm đem lại

+) Kết luận rút ra từ sinh lí khoa học

+) Tư tưởng, nhân định có tính dự báo, giả thuyết

+) Phán đoán đơn giản hay một hệ thống quan điểm

▪ **Luận cứ:** là các luận điểm khoa học, các chứng cứ, sự kiện thực tế chân thực, các kết luận, quy tắc, quy luật hay nguyên lí, nguyên lí xã hội đã được chứng minh mà chúng có liên quan đến luận đề và được sử dụng trong quá trình chứng minh luận đề; là những cơ sở khách quan mà nhờ nó, thông qua lập luận chứng minh được tính chân thực hay giả dối của luận đề; là thành phần tương ứng với tiền đề trong suy luận và trả lời cho câu hỏi dùng cái gì chứng minh, căn cứ vào cái gì để chứng minh; Trong chứng minh, kể cả trong cuộc sống, trong khoa học người ta không chỉ sử dụng luận cứ có giá trị chân thực trên cơ sở chứng minh chặt chẽ bằng lí luận khoa học như các định lí, công thức toán học mà còn sử dụng những luận cứ có giá trị chân thực dưới dạng những dữ kiện, sự kiện, hiện thực đáng tin cậy.

▪ **Luận chứng:** Là thành phần tương đương với lập luận phép suy luận, bản chất và chức năng của lập luận là cách thức, quy tắc xác định mà nhờ nó có thể liên kết các luận cứ (tiền đề) kết hợp những tri thức khác đã biết, đã được chứng minh để rút ra tính chân thực của luận đề, vì vậy lập luận của chứng minh là mối liên hệ logic giữa luận cứ và luận đề, thông qua đó, cho phép khẳng định tính chân thực của luận đề. Lập luận của chứng minh muốn đảm bảo cho phép chứng minh đó có đầy đủ độ tin cậy thì cần phải tuân thủ quy tắc logic, trình tự logic nhất định.

1.3. Phân loại chứng minh

Chứng minh trực tiếp: là chứng minh trong đó tính chân thực của các luận cứ trực tiếp dẫn tới tính chân thực của luận đề.

Chứng minh gián tiếp: là chứng minh trong đó tính chân thực của luận đề rút ra từ tính không chân thực của phản luận đề. Có hai hình thức chứng minh gián tiếp là:

- *Chứng minh phản chứng*: là kiểu chứng minh trong đó xác lập tính không chân thực của phản đề và theo luật bài trung, rút ra tính chân thực của luận đề.
- *Chứng minh loại trừ*: là kiểu chứng minh gián tiếp trong đó tính chân thực của luận đề được rút ra bằng cách xác lập tính không chân thực của tất cả các thành phần trong phán đoán lựa chọn.

2. CÁC QUY TẮC KHI CHỨNG MINH VÀ LỖI LOGIC KHI VI PHẠM QUY TẮC CHỨNG MINH THÔNG QUA CÁC VÍ DỤ THỰC TẾ

2.1. Quy tắc đối với luận đề

▪ *Quy tắc 1: Luận đề phải chân thực*

Ví dụ: Hiện nay trên các mạng xã hội lớn như Facebook, Twitter.. vẫn tồn tại các hội nhóm tin vào “*thuyết trái đất phẳng*” tên là Flat Earth Society. Bằng vào các nghiên cứu khoa học và ảnh chụp trái đất thông qua vệ tinh, có thể thấy rõ ràng trái đất có dạng hình cầu. Do đó, đây là một luận đề không chân thực.

▪ *Quy tắc 2: Luận đề phải phải rõ ràng, chính xác*

Ví dụ: “*Mua dâm là hành vi giao cấu có trả tiền*” (Dự thảo Pháp lệnh Phòng chống mại dâm). Khi làm rõ cho luận điểm này sẽ nảy sinh trường hợp giao cấu nhưng trả bằng các vật khác tiền thì sao? Hay đó không phải là mua dâm. Có thể nói, việc dùng từ “*trả tiền*” ở đây là chưa đầy đủ, dẫn đến luận đề không chặt chẽ, không bao quát.

▪ *Quy tắc 3: Luận đề phải được giữ nguyên trong suốt quá trình chứng minh*

Giữ nguyên luận đề nhằm thực hiện nhiệm vụ của chứng minh. Nếu luận đề bị thay đổi thì nhiệm vụ chứng minh không hoàn thành, tức là luận đề được xác định ban đầu thì không chứng minh một luận đề khác.

Ví dụ: Dạo gần đây trên mạng xã hội Facebook có một bài viết được chia rộng rãi với việc đưa ra luận đề như sau: “*Để một gia đình hạnh phúc hãy nhớ: Đàn ông luôn ĐÚNG và đàn bà luôn SAI*”. Cụ thể:

Và để chứng minh cho quan điểm, người này lí giải như sau:

"Ví dụ đàn ông luôn ĐÚNG: Đi làm về đúng giờ, nhậu đúng chừng mực, like đúng người và đúng thời điểm, sáng trưa chiều tối ôm đúng người, thay quần áo treo vào đúng chỗ, đưa vợ đúng số tiền lương nhận được. Tuyệt đối không được quên ngày sinh nhật vợ, ngày kỷ niệm cưới, Valentine, 8/3... và nhớ tặng đúng quà cô ấy thích.

Ví dụ đàn bà luôn SAI: Sai chồng đi chợ, sai chồng rửa bát, sai chồng quét nhà, sai chồng nấu cơm, sai chồng giặt đồ, sai chồng trông con, sai chồng đâm lưng...".

Rõ ràng ở đây, chủ nhân bài viết đã có sự thay đổi luận đề trong quá trình chứng minh bằng việc sử dụng hiện tượng đồng âm khác nghĩa.

2.2. Quy tắc đối với luận cứ

▪ Quy tắc 1: Luận cứ phải là những phán đoán chân thực

Tính chân thực của luận cứ là yếu tố bảo đảm cho tính chân thực của luận đề. Vì vậy, không thể khẳng định tính chân thực của luận đề dựa trên cơ sở những luận cứ giả dối.

Ví dụ: Vẫn là ví dụ về hội nhóm Flat Earth Society với quan điểm “Trái đất phẳng”, họ đưa ra những luận cứ như sau:

Một trong những luận điểm được hội "Trái đất phẳng" ưa dùng nhất chính là đường chân trời. Con người tin vào những gì mắt thấy, tai nghe, và họ thấy rằng đường chân trời là một đường thẳng.

Lý thuyết "Trái đất phẳng" cho rằng Bắc Cực là tâm Trái đất, còn Nam Cực là một bức tường dài bao bọc lấy "cái đĩa", để ngăn không cho nước biển và vạn vật rơi ra ngoài vũ trụ. Vấn đề là bức tường ở Nam Cực rất khổng lồ. Thậm chí, họ tin rằng có một tổ chức liên kết tất cả các chính phủ để ngăn không cho ai tìm cách trèo qua và tìm ra sự thật là thế giới không có hình cầu. Tóm lại, chưa có ai từng vượt qua bức tường Nam Cực cả.

Hội Trái đất phẳng thường xuyên xoáy vào vấn đề rằng: Trái đất hình cầu và đang quay với vận tốc 1.600km/h. Vậy tại sao chúng ta không cảm thấy gì?

Trên đây là một trong những luận cứ mà hội Flat Earth Society đưa ra để chứng minh cho quan điểm trái đất phẳng chứ không hình cầu. Tuy nhiên, những luận cứ nêu trên đều không chân thực và bị các nhà khoa học bác bỏ bằng những lập luận xác đáng.

▪ ***Quy tắc 2: Luận cứ phải là những phán đoán có tính chân thực được chứng minh độc lập với luận đề***

Luận đề chỉ được chứng minh khi lấy tính chân thực của luận cứ làm cơ sở. Nếu tính chân thực của luận cứ lại được rút ra từ luận đề thì như thế là chẳng chứng minh được gì cả. Lỗi logic này gọi là lỗi “chứng minh vòng quanh”.

Ví dụ: Trong chương trình Táo quân 2016, khi Bắc Đẩu (NSUT Công Lý) hỏi về vấn đề: Vì sao dự án chậm tiến độ? Táo Kinh tế (NSUT Quang Thắng) đã trả lời như sau: Vì thiếu vốn nên tiến độ kéo dài và vì dự án kéo dài dẫn đến tình trạng thiếu vốn. Đây là một ví dụ cho kiểu chứng minh vòng quanh.

▪ ***Quy tắc 3: Luận cứ phải là lý do đầy đủ của luận đề***

Giữa các luận cứ phải có mối liên hệ trực tiếp và tất yếu đối với luận đề. Các luận cứ không chỉ chân thực mà còn phải không thiếu, không thừa, bảo đảm cho luận đề được rút ra một cách tất yếu khách quan nhờ vào các lập luận logic.

2.3. Quy tắc đối với luận chứng

▪ ***Quy tắc 1: Luận chứng phải tuân theo các quy tắc, quy luật logic***

Vi phạm các quy tắc, quy luật logic thì kết luận không được rút ra một cách tất yếu từ tiền đề, tức là không chứng minh được luận đề.

▪ ***Quy tắc 2: Luận chứng phải bảo đảm tính hệ thống***

Các luận cứ phải được sắp xếp, tổ chức chặt chẽ, bảo đảm cho phép chứng minh có sức thuyết phục cao.

▪ ***Quy tắc 3: Luận chứng phải bảo đảm tính nhất quán – phi mâu thuẫn***

Nếu trong phép chứng minh có chứa những luận cứ mâu thuẫn với nhau trực tiếp hoặc gián tiếp, thì phép chứng minh ấy chứa mâu thuẫn lôgic, không thuyết phục.

3. LIÊN HỆ THỰC TIỄN VÀ LIÊN HỆ BẢN THÂN

3.1. Liên hệ thực tiễn

Bất kỳ một tác phẩm khoa học nào, từ báo khoa học có dung lượng ngắn một vài trang đến những công trình nghiên cứu khoa học dài hàng trăm trang, xét về cấu trúc logic cũng đều phải gồm ba bộ phận hợp thành là: luận đề, luận cứ và luận chứng. Người làm nghiên cứu khoa học nếu nắm vững cấu trúc này sẽ thuyết phục hơn trong việc đảm bảo tính chặt chẽ khoa học của công trình cũng như có điều kiện đi sâu xem xét bản chất logic của phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Mặt khác, sử dụng thành thạo cấu trúc logic nói trên cũng mang lại hiệu quả thiết thực trong các hoạt động thường xuyên phải cần đến vai trò của lập luận logic, ví dụ như: giảng viên trình bày diễn giả thuyết trình trước hội nghị, đại biểu phát biểu tranh luận trong hội thảo, chiến sĩ công an trong các hoạt động điều tra phá án, người lãnh đạo trong các công việc đàm phán...

3.2. Liên hệ bản thân

Đối với một sinh viên ngành Luật Kinh tế, việc nắm vững các quy tắc chứng minh là vô cùng quan trọng. Nó giúp cho những lập luận mà chúng ta đưa ra trở nên vô cùng xác đáng, thuyết phục. Trong tranh luận, đàm phán, thảo luận, và đặc biệt là trong nghiên cứu khoa học của sinh viên chứng minh là việc làm thường xuyên và cần thiết, những lỗi logic trong chứng minh tưởng chừng không đáng kể nhưng nếu không khắc phục, dần dần sẽ tạo nên những sai lầm trong tư duy. Tần suất phạm lỗi càng nhiều thì càng dẫn đến các hậu quả to lớn, làm chệch hướng, giảm chất lượng tranh luận, nghiên cứu. Do đó cần nắm vững các quy tắc của logic hình thức để kịp thời bác bỏ.

KẾT LUẬN

Qua sự phân tích trên, có thể thấy trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chứng minh giúp cho con người hình thành niềm tin dựa trên một hệ thống cơ sở vững chắc. Nếu niềm tin đó lại được đặt trên nền tảng chân xác của tri thức khoa học thì bản thân cá nhân con người với sự hiểu biết thực chất công việc của mình làm sẽ quyết đoán đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ của lý luận và thực tiễn một cách triệt để nhất. Niềm tin khoa học sẽ và chỉ được hình thành, củng cố và phát triển trên cơ sở của chứng minh và các lập luận có căn cứ chắc chắn.

Khác với các khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn không sử dụng các công thức, các phương trình đã mang tính chính xác mà phải dùng những luận cứ và luận chứng lý thuyết để chứng minh. Điều này là tương đối khó với những người mới làm nghiên cứu khoa học, đa số thường dễ mắc lỗi thiếu tính chặt chẽ logic trong giai đoạn này. Do đó, cần nắm vững lý thuyết về chứng minh nói chung và các quy tắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giáo trình logic học (2011)* Trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
2. Trần Hoàng (2003), *Logic học nhập môn*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Phạm Đình Nghiêm (2009) *Nhập môn Logic học*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh.
4. Vũ Cao Đàm (1999), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
5. Lê Tử Thành (1996), *Logic học & phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nhà xuất bản Trẻ.